TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-PT
Ngày: 07- 4- 2022
Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Văn Hai;

2. Ông Đào Chí Keo.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Thành– Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 15/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2021/DS-ST, ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NHTMCPSGTT.

Trụ sở: số 266-268 (lầu 8) Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của NHTMCPSGTT: bà Nguyễn Ngọc Châu Th – Nhân viên NHTMCPSGTT; địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận 3, Thành phố HCM (theo Giấy ủy quyền số 834/2021/UQ-TTT ngày 13/12/2021). (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huệ Tr, sinh năm 1959.

Cư trú: số 25/33, khóm A, phường M, thành phố LX, tỉnh G. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn NHTMCPSGTT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của NHTMCPSGTT (viết tắt là Ngân hàng) trình bày nội dung:

Ngày 01/7/2011, Ngân hàng và Bà Tr ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng), số thẻ 436438-3299. Căn cứ thu nhập của Bà Tr, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức 200.000.000 đồng cho Bà Tr, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, hình thức vay: tín chấp, lãi suất trong hạn: 2.15%/tháng điều chỉnh theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn: 3.225%/tháng (150% lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bà Tr đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 2.295.947.774 đồng và thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 2.324.956.784 đồng bao gồm giao dịch rút tiền mặt là 2.295.947.774 đồng, lãi: 184.342.288 đồng, phí vượt hạn mức: 118.976 đồng, phí thường niên và phí chuyển đổi, phí rút tiền mặt: 18.502.735 đồng do Bà Tr thực hiện giao dịch rút tiền mặt ở nước ngoài, phí trễ hạn: 6.432.910 đồng thì Bà Tr ngưng thanh toán cho đến nay. Do Bà Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 26/02/2017 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu Bà Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 180.387.899 đồng (trong đó nợ gốc 163.672.839 đồng, lãi quá hạn: 16.715.060 đồng) tính đến ngày 31/05/2017.

Ngày 22/01/2021, Tòa án có yêu cầu Ngân hàng cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc xác định cụ thể số tiền gốc, lãi trong các lần thanh toán của Bà Tr. Ngân hàng trình bày mức lãi suất Ngân hàng áp dụng đối với các thẻ tín dụng theo thỏa thuận giữa khách hàng và Ngân hàng, Ngân hàng được tính lãi trên tất cả các khoản nợ thể hiện trong thông báo giao dịch. Ngân hàng xác định tại thời điểm khách hàng thanh toán, tiền thanh toán của khách hàng được trừ vào tiền phí, lãi, phí vượt hạn mức sau đó trừ vào tiền giao dịch rút tiền mặt định kỳ hàng tháng (nếu có) theo nội dung trình bày tại Công văn số 330/2021/CV-CNAG ngày 07/5/2021.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Huệ Tr vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của Bà Tr về nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2021/DS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX quyết định:

- Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NHTMCPSGTT.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Huệ Tr có nghĩa vụ trả cho NHTMCPSGTT tổng số tiền 437.959.420 đồng *(Bốn trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi đồng)*, trong đó, nợ gốc 145.784.950 đồng, lãi trong hạn 12.955.423 đồng, lãi quá hạn 274.728.094 đồng, phí trễ hạn 4.490.953 đồng (tính đến ngày 14/12/2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (14/12/2021) Bà Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NHTMCPSGTT đối với yêu cầu buộc Bà Tr trả số tiền 34.150.263 đồng *(Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng)*.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Huệ Tr phải chịu 21.518.377 đồng *(Hai mươi mốt triệu, năm trăm mười tám nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

NHTMCPSGTT phải chịu 1.707.513 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009739 ngày 30/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. NHTMCPSGTT được nhận lại 2.792.487 đồng *(Hai triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng)*.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 12 năm 2021,nguyên đơn NHTMCPSGTT có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 176/2021/DS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, đề nghị hủy bản án và chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của NHTMCPSGTT. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 176/2021/DS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX

Buộc NHTMCPSGTT phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cư, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các dương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[1.1] Ngân hàng khởi kiện Bà Nguyễn Thị Huệ Tr yêu cầu trả tiền vốn và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/7/2011 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, án sơ thẩm xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự là có cơ sở.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết Ngân hàng khởi kiện Bà Nguyễn Thị Huệ Tr và xác định Bà Tr có nơi cư trú tại số 25/33, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo hợp đồng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với Bà Tr ngày 01/7/2011 đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa cấp sơ thẩm, bà Thủy là người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng trình bày ngoài địa chỉ trên thì Ngân hàng không thể cung cấp được địa chỉ nào khác của Bà Tr, không cung cấp được địa chỉ của Bà Tr ở nước ngoài.

Biên bản xác minh ngày 06/3/2018 tại Công an phường Mỹ Thới xác định "Đương sự Nguyễn Thị Huệ Trinh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 25/33, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hiện nay Bà Tr không còn sinh sống tại địa chỉ trên, bỏ địa phương từ thời gian 2014 cho đến nay".

Tại Công văn số 3252/XNC –D3 ngày 03/11/2017 Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh G cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Bà Tr như sau: " Nguyễn Thị Huệ Trinh đã sử dụng các hộ chiếu nói trên để xuất nhập cảnh cửa khẩu Việt Nam 41 lần. Sử dụng hộ chiếu B8571674 xuất cảnh lần gần nhất ngày 31/9/2016 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh của đương sự".

Như vậy đơn khởi kiện Ngân hàng đã ghi đúng dịa chỉ của Bà Nguyễn Thị Huệ Tr theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và bà Huệ Trinh ngày 1/7/2011 và qua kết quả xác minh xác định Bà Tr có nơi cư trú cuối cùng tại số 25/33 khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang phù hợp với hướng dẫn tại khoàn Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Mặc dù tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án Bà Tr đã xuất cảnh đi nước ngoài tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng xác định không cung cấp được địa chỉ nào khác của Bà Tr ở trong và ngoài nước. Bà Tr đã không sống tại địa chỉ như khi ký hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng biết là cố tình dấu địa chỉ theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do dó việc Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự là có cơ sở. Theo khoản 3 Điều 31 Luật Quốc tich Việt Nam năm 2008 được sửa đổi bổ sung 2014 và điểm 3, Điều 3 Nghị định 138 /2006/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ thì "Người Việt Nam định cư ở nước ngoài " là người có quốc tịch Việt Nam và người gốc Việt Nam đang cư trú làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài.

Qua các tình tiết trên thấy mặc dù Bà Tr có xuất cảnh đi nước ngoài từ năm 2016, nay chưa thấy thông tin nhập cảnh của đương sự, chứng tỏ Bà Tr xuất cảnh hợp pháp, nhưng không có hồ sơ chứng minh Bà Tr cư trú, định cư lâu dài ở một nước ngoài nào khác. Nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên chuyển vụ án lên Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm là không đúng.

[2] Xét đơn kháng cáo của NHTMCPSGTT, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Bà Tr được xác lập theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/7/2011 và bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng đúng theo quy định pháp luật. Ngân hàng yêu cầu Bà Tr trả tổng cộng vốn và lãi là 472.109.683 đồng (tính đến ngày 14/12/2021). Trong đó nợ gốc : 163.672.839 đồng và lãi quá hạn là 308.436.844 đồng. Đồng thời yêu cầu Bà Tr phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi trả dứt nợ.

Qua bảng tóm tắt sao kê ngày 31/5/2017 và ngày 14/12/2021 thấy ngân hàng xác định nợ gốc: 163.672.839 đồng gồm số tiền lãi, phí hàng tháng Bà Tr không thanh toán để cộng lại xác định là dư nợ đầu kỳ và tiếp tục tính lãi, cả nợ gốc là không đúng quy định tại Điều 8 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về tính lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Án sơ

thẩm sau khi trừ đi phí , lãi suất cộng vào xác định tiền vốn còn lại là 145.784.950 đồng là có cơ sở.

[2.2] Đối với tiền lãi trong hạn, quá hạn, phí Bà Tr còn thiếu phải thanh toán cho Ngân hàng được án sơ thẩm chấp nhận tính theo hạn mức do nguyên đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Tổng số tiền gốc, lãi và phí trễ hạn Bà Tr phải trả là 437.959.420 dồng. Trong đó nợ gốc 145.784.950 đồng,

Lãi trong hạn: Từ ngày 25/10/2016 đên ngày 25/2/2017 là 124 ngày, mức lãi suất các bên thỏa thuận 2,15%/tháng.

Nợ gốc 145.784.950 đồng x 2,15%/tháng x 124 ngày =12.955.423 đồng, Lãi quá hạn : Từ 26/2/2017 đến ngày 14/12/2021 là 1.753 ngày, mức lãi suất các bên thỏa thuận 3,225%/tháng.

Nợ gốc 145.784.950 đồng x 3,225%/tháng x 1 .753 ngày = 274.728.094 đồng,

Phí trễ hạn 4.490.953 đồng, số tiền không được chấp nhận là 34.150.263 đồng.Tòa án cấp sơ thẩm tính các khoản lãi trong hạn, quá han, phí trễ han là hoàn toàn có căn cứ.

NHTMCPSGTT kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét khác.

[3] Do kháng cáo của NHTMCPSGTT không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của NHTMCPSGTT.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2021/DS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên;

- Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NHTMCPSGTT.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Huệ Tr có nghĩa vụ trả cho NHTMCPSGTT tổng số tiền 437.959.420 đồng *(Bốn trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi đồng)*, trong đó, nợ gốc 145.784.950 đồng, lãi trong hạn 12.955.423 đồng, lãi quá hạn 274.728.094 đồng, phí trễ hạn 4.490.953 đồng (tính đến ngày 14/12/2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (14/12/2021) Bà Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NHTMCPSGTT đối với yêu cầu buộc Bà Tr trả số tiền 34.150.263 đồng *(Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng)*.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Huệ Tr phải chịu 21.518.377 đồng *(Hai mươi mốt triệu, năm trăm mười tám nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

NHTMCPSGTT phải chịu 1.707.513 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009739 ngày 30/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. NHTMCPSGTT được nhận lại 2.792.487 đồng *(Hai triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng)*.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: NHTMCPSGTT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000888 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TP Long Xuyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THA TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

Cao Minh Lễ